

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151 /2021/HNGĐ - ST  
Ngày: 25- 6 - 2021  
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Hồng Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Trịnh Văn Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Văn Tân- KSV

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Thôn 5 xã P, huyện N, tỉnh N; có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Dương Văn D, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: thôn T, xã X, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn 06/4/2006. tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng vài tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong sinh hoạt gia đình. Đến tháng 10 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: chị N xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu

Dương Minh Z, sinh ngày 17/11/2010 hiện tại cháu đang ở với chị. Nguyên vọng của chị là xin được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung .

Về tài sản và công nợ: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 14/01/2021, bị đơn là anh Dương Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh N vào ngày 06/4/2010; Trong quá trình chung sống thì tình cảm vợ chồng hạnh phúc, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Được 10 năm thì tình cảm vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, (do từ ngày vợ làm ăn thua lỗ nên phát sinh mâu thuẫn). Quan điểm của anh D là mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh D xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Dương Minh Z, sinh ngày 17/11/2010 hiện tại con đang ở với vợ chồng. Quan điểm của anh D là đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về tài sản: Nếu phải ly hôn anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2021 cháu Dương Minh Z trình bày: cháu là con của bố D và mẹ N, nguyên vọng của cháu là mong muốn được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Dương Văn D.

Về con chung: giao 01 con chung là cháu Dương Minh Z, sinh ngày 17/11/2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng;

Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: chị Nguyễn Thị Nga phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Nga khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Dương Văn D, có hộ khẩu thường trú tại: thôn T, xã X, huyện T, tỉnh T; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Dương Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Dương Văn D tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/4/2010, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong sinh hoạt gia đình. Nay chị N có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án, chị N một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; còn anh D có ý kiến không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh D không thể hiện được mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nga và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị N, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Dương Văn D.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Dương Văn D có 01 (một) con chung là cháu Dương Minh Z, sinh ngày 17/11/2010.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị N thấy rằng: chị N có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con và hiện tại đang nuôi dưỡng cháu Z; Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung là cháu Z cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị N và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[4] Về phân tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Dương Văn D cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Dương Văn D.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Dương Văn D có 01 (một) con chung là cháu Dương Minh Z, sinh ngày 17/11/2010.

Giao con chung là cháu Dương Minh Z, sinh ngày 17/11/2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Dương Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Dương Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Nga phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Nga đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006315 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh T;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện N, N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Cao Hồng Đức**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Trọng Hoàn**

**Lưu Minh Sửu**

**Cao Hồng Đức**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Trọng Hoàn**

**Lưu Minh Sửu**

**Cao Hồng Đức**